

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1
Kèm theo quyết định số _____ - Ký ngày _____

Học kỳ 1 - Năm học 2011-2012

Đơn vị: Khoa Công nghệ

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Xây dựng công trình thủy (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1070623	Trần Ngọc Anh	10/08/88	TC0704A1		2.18	137	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
2	1076816	Võ Thanh Bình	14/04/89	TC0704A1		2.64	145	Khá	Xây dựng công trình thủy	
3	1076822	Trần Văn Sô Đa	20/11/87	TC0704A1		2.36	140	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
4	1076827	Cao Bằng Giang	03/11/89	TC0704A1		2.48	144	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
5	1076834	Bùi Văn Hiếu	26/12/88	TC0704A1		2.44	148	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
6	1076835	Nguyễn Chung Hoàng Huy	12/02/89	TC0704A1		2.68	145	Khá	Xây dựng công trình thủy	
7	1076836	Đoàn Văn Hưng	15/05/88	TC0704A1		2.37	143	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
8	1076838	Trần Hoàng Kim	16/02/89	TC0704A1	N	2.79	147	Khá	Xây dựng công trình thủy	
9	1076841	Trương Hoài Linh	18/03/88	TC0704A1		2.57	151	Khá	Xây dựng công trình thủy	
10	1076844	Hồ Văn Phú Lộc	04/05/87	TC0704A1		2.55	154	Khá	Xây dựng công trình thủy	
11	1076850	Nguyễn Chí Nguyễn	/ /89	TC0704A1		2.55	148	Khá	Xây dựng công trình thủy	
12	1076858	Nguyễn Minh Quang	22/12/89	TC0704A1		2.50	151	Khá	Xây dựng công trình thủy	
13	1076862	Trần Trọng Thái	16/04/88	TC0704A1		2.91	162	Khá	Xây dựng công trình thủy	
14	1076865	Phạm Quang Thanh	13/12/89	TC0704A1		2.70	151	Khá	Xây dựng công trình thủy	
15	1076869	Nguyễn Văn Thọ	19/05/88	TC0704A1		2.48	142	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
16	1076872	Mạc Đình Thương	28/07/87	TC0704A1		2.42	151	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
17	1076877	Đình Công Trình	26/08/89	TC0704A1		2.42	143	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
18	1076880	Huỳnh Minh Tuấn	14/01/89	TC0704A1		2.80	153	Khá	Xây dựng công trình thủy	
19	1076883	Đổng Chí Thái Việt	28/12/89	TC0704A1		3.09	154	Khá	Xây dựng công trình thủy	
20	1080550	Lâm Minh Trí	01/07/90	TC0804A1		2.49	136	Trung bình	Xây dựng công trình thủy	
21	1080552	Tăng Bình Xuyên	24/04/87	TC0804A1		2.93	142	Khá	Xây dựng công trình thủy	
22	1080556	Trần Duy Phương	20/12/87	TC0804A2		2.85	143	Khá	Xây dựng công trình thủy	
23	1087255	Ngô Thanh Toàn	09/11/87	TC0804A1		2.91	145	Khá	Xây dựng công trình thủy	
24	1087256	Nguyễn Văn Tới	10/11/90	TC0804A1		3.25	136	Giỏi	Xây dựng công trình thủy	
25	1087263	Trần Mạnh Dũng	21/07/89	TC0804A2		2.81	136	Khá	Xây dựng công trình thủy	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
26	1087264	Nguyễn Anh Duy	05/07/90	TC0804A2		2.99	136	Khá	Xây dựng công trình thủy	
27	1087265	Đoàn Nguyễn Khánh Dư	16/06/89	TC0804A2		2.95	140	Khá	Xây dựng công trình thủy	
28	1087271	Châu Phương Hải	28/03/89	TC0804A2	N	2.94	139	Khá	Xây dựng công trình thủy	
29	1087278	Nguyễn Thống Nhứt	/ /90	TC0804A2		2.79	138	Khá	Xây dựng công trình thủy	
30	1087279	Nguyễn Thị Thúy Phương	08/10/90	TC0804A1	N	2.69	136	Khá	Xây dựng công trình thủy	
31	1087282	Tăng Đình Tài	16/10/90	TC0804A2		3.00	136	Khá	Xây dựng công trình thủy	
32	1087284	Trương Hồ Nhật Tân	26/12/90	TC0804A2		3.27	136	Khá	Xây dựng công trình thủy	Hạ bậc
Ngành học: Cơ điện tử (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1071277	Trần Thế Anh	05/12/88	TC0759A1		2.62	139	Khá	Cơ điện tử	
2	1071280	Trần Hoàng Ân	07/10/89	TC0759A1		2.42	140	Trung bình	Cơ điện tử	
3	1071309	Trần Duy Khang	01/01/89	TC0759A1		2.55	139	Khá	Cơ điện tử	
4	1071311	Kha Cốt Khén	07/10/88	TC0759A1		2.54	138	Khá	Cơ điện tử	
5	1071313	Dương Thành Đăng Khoa	27/02/89	TC0759A1		2.64	148	Khá	Cơ điện tử	
6	1071322	Huỳnh Chí Linh	00/00/88	TC0759A1		2.45	141	Trung bình	Cơ điện tử	
7	1071328	Trần Ngọc Minh	27/04/89	TC0759A1		2.57	138	Khá	Cơ điện tử	
8	1071339	Nguyễn Ngọc Phú	25/01/89	TC0759A1		2.62	156	Khá	Cơ điện tử	
9	1081185	Trần Xuân Kha	16/08/89	TC0859A1		2.74	139	Khá	Cơ điện tử	
10	1081189	Lê Minh Khánh	07/03/90	TC0859A1		2.97	136	Khá	Cơ điện tử	
11	1081206	Nguyễn Thành Nam	20/12/90	TC0859A1		3.20	141	Giỏi	Cơ điện tử	
12	1081207	Hà Quang Nam	06/09/90	TC0859A1		3.50	136	Giỏi	Cơ điện tử	
13	1081229	Võ Minh Quân	10/05/90	TC0859A2		2.97	137	Khá	Cơ điện tử	
14	1081232	Thạch Lăng Sa	/ /90	TC0859A2		2.72	137	Khá	Cơ điện tử	
15	1081239	Trần Minh Minh Tân	14/02/90	TC0859A2		2.80	138	Khá	Cơ điện tử	
16	1081253	Phạm Trí Thức	25/04/90	TC0859A2		3.18	136	Khá	Cơ điện tử	
Ngành học: Công nghệ hóa học (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	2072197	Lê Bửu Quang	17/03/89	TC0760A1		2.61	140	Khá	Công nghệ hóa học	
2	2072199	Trần Thị Thúy Quỳnh	20/08/89	TC0760A1	N	2.51	139	Khá	Công nghệ hóa học	
3	2072202	Thạch Ngọc Sữa	03/08/87	TC0760A1		2.56	152	Khá	Công nghệ hóa học	
4	2072236	Nguyễn Văn Trung	19/11/89	TC0760A2		2.54	144	Khá	Công nghệ hóa học	
5	2082179	Lê Nguyên Khang	28/11/90	TC0860A1		3.39	137	Giỏi	Công nghệ hóa học	
6	2082228	Phan Hoài Năng	06/06/90	TC0860A1		2.88	141	Khá	Công nghệ hóa học	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Kỹ thuật điện (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1071164	Mai Tấn Duy	22/02/88	TC0761A1		2.52	147	Khá	Kỹ thuật điện	
2	1071169	Lê Nhuận Điền	17/04/89	TC0761A1		2.59	138	Khá	Kỹ thuật điện	
3	1071170	Trần Công Định	00/00/88	TC0761A1		2.50	138	Khá	Kỹ thuật điện	
4	1071178	Hồ Quốc Hùng	08/09/88	TC0761A1		2.37	137	Trung bình	Kỹ thuật điện	
5	1071183	Nguyễn Việt Khén	10/05/87	TC0761A1		2.57	139	Khá	Kỹ thuật điện	
6	1071184	Nguyễn Thành Khoa	26/09/89	TC0761A1		2.12	141	Trung bình	Kỹ thuật điện	
7	1071186	Bùi Tuấn Kiệt	05/11/89	TC0761A1		2.09	139	Trung bình	Kỹ thuật điện	
8	1071190	Lý Minh Mến	19/01/89	TC0761A1		2.55	138	Khá	Kỹ thuật điện	
9	1071191	Bùi Hoàng Minh	26/11/88	TC0761A1		2.53	142	Khá	Kỹ thuật điện	
10	1071194	Huỳnh Tấn Phát	02/11/89	TC0761A1		2.96	139	Khá	Kỹ thuật điện	
11	1071198	Nguyễn Văn Sim	24/09/87	TC0761A1		2.52	143	Khá	Kỹ thuật điện	
12	1071199	Phan Thanh Sơn	27/02/89	TC0761A1		2.35	141	Trung bình	Kỹ thuật điện	
13	1071202	Nguyễn Minh Thanh	29/07/88	TC0761A1		2.15	141	Trung bình	Kỹ thuật điện	
14	1071206	Nguyễn Thái Hoàng Tiên	01/04/89	TC0761A1		2.45	140	Trung bình	Kỹ thuật điện	
15	1071208	Nguyễn Chí Toàn	20/12/86	TC0761A1		2.42	141	Trung bình	Kỹ thuật điện	
16	1071209	Võ Văn Tới	10/01/89	TC0761A1		2.74	145	Khá	Kỹ thuật điện	
17	1071211	Trần Bảo Trung	09/05/88	TC0761A1		2.43	138	Trung bình	Kỹ thuật điện	
18	1071213	Nguyễn Anh Tuấn	01/07/89	TC0761A1		2.48	143	Trung bình	Kỹ thuật điện	
19	1071227	Lê Cao Đăng	21/01/88	TC0761A2		2.62	143	Khá	Kỹ thuật điện	
20	1071232	Nguyễn Như Em	/ /88	TC0761A2		2.25	140	Trung bình	Kỹ thuật điện	
21	1071234	Lâm Kim Bích Hảo	06/12/89	TC0761A2	N	2.52	137	Khá	Kỹ thuật điện	
22	1071236	Dương Thái Hòa	/ /88	TC0761A2		2.31	139	Trung bình	Kỹ thuật điện	
23	1071237	Hà Văn Hùng	03/10/88	TC0761A2		2.29	138	Trung bình	Kỹ thuật điện	
24	1071238	Phạm Ngọc Hưng	24/04/89	TC0761A2		2.51	142	Khá	Kỹ thuật điện	
25	1071240	Nguyễn Văn Khá	/ /88	TC0761A2		2.65	141	Khá	Kỹ thuật điện	
26	1071241	Lê Công Khanh	31/08/85	TC0761A2		2.32	142	Trung bình	Kỹ thuật điện	
27	1071249	Nguyễn Văn Luân	05/02/89	TC0761A2		2.52	139	Khá	Kỹ thuật điện	
28	1071258	Nguyễn Thanh Sơn	00/00/87	TC0761A2		2.69	137	Khá	Kỹ thuật điện	
29	1071259	Cao Phúc Sơn	/ /87	TC0761A2		2.10	144	Trung bình	Kỹ thuật điện	
30	1071260	Trần Tấn Tài	16/09/88	TC0761A2		2.35	137	Trung bình	Kỹ thuật điện	
31	1071263	Trần Minh Thắng	07/05/89	TC0761A2		2.57	137	Khá	Kỹ thuật điện	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
32	1071264	Đoàn Quốc Thịnh	25/11/89	TC0761A2		2.56	138	Khá	Kỹ thuật điện	
33	1071266	Nguyễn Văn Tiến	02/03/88	TC0761A2		2.35	138	Trung bình	Kỹ thuật điện	
34	1071267	Huỳnh Thanh Toàn	30/12/88	TC0761A2		2.73	141	Khá	Kỹ thuật điện	
35	1071271	Dương Minh Truyền	06/08/89	TC0761A2		2.27	140	Trung bình	Kỹ thuật điện	
36	1076944	Phan Huy Cường	31/05/89	TC0761A1		2.24	138	Trung bình	Kỹ thuật điện	
37	1076947	Nguyễn Quang Đạo	13/11/89	TC0761A2		2.56	151	Khá	Kỹ thuật điện	
38	1076954	Trần Thanh Nga	09/09/89	TC0761A1	N	2.75	147	Khá	Kỹ thuật điện	
39	1076956	Ung Thái Quý	10/04/89	TC0761A1		2.59	143	Khá	Kỹ thuật điện	
40	1076958	Nguyễn Hồng Tân	19/10/89	TC0761A1		2.18	137	Trung bình	Kỹ thuật điện	
41	1076960	Nguyễn Đức Thắng	30/07/88	TC0761A1		2.65	142	Khá	Kỹ thuật điện	
42	1076962	Nguyễn Cao Thắng	02/03/89	TC0761A1		2.58	142	Khá	Kỹ thuật điện	
43	1081017	Nguyễn Phương Ái	/ /89	TC0861A1	N	2.47	138	Trung bình	Kỹ thuật điện	
44	1081020	Võ Hoàng Ba	01/01/90	TC0861A1		2.58	136	Khá	Kỹ thuật điện	
45	1081029	Nguyễn Văn Đâu	19/09/89	TC0861A1		2.61	136	Khá	Kỹ thuật điện	
46	1081044	Trương Quốc Kiệt	02/01/88	TC0861A1		2.54	138	Khá	Kỹ thuật điện	
47	1081083	Nguyễn Văn Thanh Tùng	/ /86	TC0861A2		3.01	138	Khá	Kỹ thuật điện	
48	1081090	Bùi Thị Ái	10/12/89	TC0861A2	N	2.89	138	Khá	Kỹ thuật điện	
49	1081094	Nguyễn Thanh Bằng	19/10/89	TC0861A2		3.03	136	Khá	Kỹ thuật điện	
50	1081100	Lê Văn Dương	19/08/90	TC0861A2		2.76	138	Khá	Kỹ thuật điện	
51	1081108	Nguyễn Trọng Giáp	31/10/90	TC0861A2		3.05	138	Khá	Kỹ thuật điện	
52	1081109	Nguyễn Ngọc Hiền	20/01/90	TC0861A2		3.39	138	Giỏi	Kỹ thuật điện	
53	1081115	Trịnh Thanh Huy	21/12/88	TC0861A3		3.04	138	Khá	Kỹ thuật điện	
54	1081117	Chau Sóc Khươn	01/11/88	TC0861A3		2.86	139	Khá	Kỹ thuật điện	
55	1081119	Lê Trường Lâm	01/11/88	TC0861A3		2.75	136	Khá	Kỹ thuật điện	
56	1081124	Phạm Trung Lý	28/04/90	TC0861A3		2.85	136	Khá	Kỹ thuật điện	
57	1081125	Trần Hoàng Minh	12/04/90	TC0861A3		3.11	138	Khá	Kỹ thuật điện	
58	1081136	Nguyễn Văn Hồng Quân	11/09/90	TC0861A3		2.87	136	Khá	Kỹ thuật điện	
59	1081147	Phạm Bá Thiện	07/05/90	TC0861A3		2.77	142	Khá	Kỹ thuật điện	
60	1081150	Hồ Trung Tiến	19/12/89	TC0861A3		2.93	136	Khá	Kỹ thuật điện	
61	1081156	Nguyễn Minh Tuấn	01/11/88	TC0861A3		2.40	136	Trung bình	Kỹ thuật điện	
62	1081158	Danh Út	20/07/90	TC0861A3		2.90	137	Khá	Kỹ thuật điện	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
63	1081159	Nguyễn Quốc Việt	27/02/90	TC0861A3		2.78	138	Khá	Kỹ thuật điện	
Ngành học: Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1070626	Nguyễn Quang Huy	02/09/86	TC0762A1		2.95	159	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	SS
2	1070627	Nguyễn Tấn Hưng	01/01/89	TC0762A1		2.83	148	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	SS
3	1070681	Mai Lâm Khoa	26/06/89	TC0762A1		2.63	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
4	1070685	Trần Thanh Long	00/00/87	TC0762A1		2.90	149	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
5	1070709	Nhâm Thanh Sang	12/12/88	TC0762A1		2.50	147	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
6	1070720	Hoàng Tiến Thịnh	18/06/88	TC0762A2		2.63	138	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
7	1070737	Trần Ngọc Tư	05/07/88	TC0762A2		2.50	139	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
8	1070745	Trần Quốc Cang	09/05/88	TC0762A3		2.32	139	Trung bình	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
9	1070747	Lý Thanh Danh	25/02/88	TC0762A3		2.66	139	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
10	1070761	Nguyễn Chí Hiếu	11/08/89	TC0762A3		2.97	138	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
11	1070762	Nguyễn Minh Hiếu	28/10/89	TC0762A3		3.18	139	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
12	1070766	Phạm Quốc Hùng	17/11/88	TC0762A3		2.16	139	Trung bình	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
13	1070775	Nguyễn Sơn Lâm	25/05/89	TC0762A3		2.59	139	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
14	1070792	Ngô Văn Xuân Phong	09/11/87	TC0762A4		2.58	142	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
15	1070800	Trần Quyền	06/06/89	TC0762A4		2.69	138	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
16	1070803	Hồ Văn Sơn	21/12/87	TC0762A4		2.59	140	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
17	1070815	Nguyễn Minh Thông	12/06/88	TC0762A4		2.94	138	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
18	1070821	Nguyễn Toàn	08/09/89	TC0762A4		2.46	138	Trung bình	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
19	1070823	Phạm Minh Trật	05/02/89	TC0762A4		2.47	145	Trung bình	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
20	1070829	Trần Ngọc Tuyền	12/12/88	TC0762A4	N	2.58	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
21	1070849	Huỳnh Tấn Đạt	28/12/87	TC0762A1		2.66	143	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	SS
22	1076423	Triệu Thị Ngọc Tuyền	07/07/88	TC0762A4	N	2.57	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
23	1076845	Hồ Thị Kiều My	04/07/89	TC0762A1	N	2.89	151	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	SS
24	1076881	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	19/07/89	TC0762A1	N	3.00	159	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	SS
25	1080634	Hoàng Đăng Cẩm	10/12/90	TC0862A2		3.07	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
26	1080654	Trần Khánh Hưng	/ /89	TC0862A2		2.64	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
27	1080665	Lê Văn Nguyên	18/09/90	TC0862A2		3.03	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
28	1080669	Nguyễn Hoàng Phải	01/01/85	TC0862A2		2.97	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
29	1080674	Trương Văn Tài	/ /89	TC0862A2		2.66	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
30	1080684	Nguyễn Thanh Toán	17/08/90	TC0862A2		2.90	137	Khá	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
Ngành học: Kỹ thuật điều khiển (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1071013	Nguyễn Duy Lâm	07/04/88	TC0770A1		2.54	138	Khá	Kỹ thuật điều khiển	
2	1071015	Đặng Kha Lin	11/01/89	TC0770A1		2.95	139	Khá	Kỹ thuật điều khiển	
3	1071074	Lê Nguyễn Hồng Ân	05/07/89	TC0770A1		2.80	137	Khá	Kỹ thuật điều khiển	
4	1071088	Danh Hoàng Hải	08/10/86	TC0770A1		2.68	138	Khá	Kỹ thuật điều khiển	
5	1071101	Võ Văn Liệt	07/06/87	TC0770A1		2.36	138	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển	
6	1071136	Trần Huy Thịnh	30/01/87	TC0770A1		2.21	138	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển	
7	1080910	Bùi Quang Hiến	18/02/90	TC0870A1		3.47	139	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển	
8	1081016	Hoàng Vũ Vương	28/12/90	TC0870A1		3.58	138	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển	
Ngành học: Kỹ thuật điện tử, viễn thông (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1070985	Lư Thành An	20/07/89	TC0771A1		3.35	141	Khá	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	Hạ bậc
2	1071023	Trần Hoàng Nam	20/01/88	TC0771A1		2.69	140	Khá	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
3	1071068	Mai Phú Vinh	15/08/89	TC0771A2		2.93	149	Khá	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
4	1071084	Ngô Văn Đến	/ /86	TC0771A2		2.39	141	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
5	1071093	Dương Văn Hưng	23/02/88	TC0771A2		2.48	137	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
6	1071106	Nguyễn Văn Luân	/ /89	TC0771A2		2.10	137	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
7	1071111	Thạch Văn Năng	06/07/87	TC0771A2		2.24	138	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
8	1071122	Huỳnh Tuấn Phương	27/10/89	TC0771A2		2.57	139	Khá	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
9	1071151	Lê Hoàng Tú	10/06/89	TC0771A2		2.75	138	Khá	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
10	1071154	Lê Quốc Việt	29/06/88	TC0771A2		2.69	138	Khá	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
11	1080900	Nguyễn Thị Cẩm Bích	08/02/90	TC0871A1	N	3.34	136	Giỏi	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
12	1080913	Võ Văn Hơn	09/02/90	TC0871A1		2.83	136	Khá	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	
Ngành học: Quản lý công nghiệp (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1071381	Nguyễn Ngọc Giang	02/01/88	CK0783A2		2.62	141	Khá	Quản lý công nghiệp	
2	1081269	Nguyễn Thị Lan Anh	28/11/90	CK0883A1	N	3.28	137	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
3	1081274	Trần Hoàng Danh	30/09/87	CK0883A1		2.64	137	Khá	Quản lý công nghiệp	
4	1081282	Hồ Cao Tiến	28/06/89	CK0883A1		2.84	139	Khá	Quản lý công nghiệp	
5	1081300	Trương Thị Ngọc Huyền	04/08/91	CK0883A1	N	3.62	137	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
6	1081316	Lê Thị Bé Mỹ	25/02/89	CK0883A1	N	3.23	139	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
7	1081324	Đỗ Như Ngọc	10/02/90	CK0883A2	N	3.44	139	Giỏi	Quản lý công nghiệp	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
8	1081330	Nguyễn Văn Phê	20/02/90	CK0883A2		3.04	139	Khá	Quản lý công nghiệp	
9	1081332	Lê Thị Ánh Phia	26/07/90	CK0883A2	N	3.44	143	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
10	1081334	Nguyễn Thị Diễm Phúc	29/12/90	CK0883A2	N	3.35	139	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
11	1081337	Nguyễn Hữu Thiện	14/08/90	CK0883A2		2.69	137	Khá	Quản lý công nghiệp	
12	1081346	Nguyễn Thị Thùy Trang	/ /90	CK0883A2	N	3.18	139	Khá	Quản lý công nghiệp	
13	1081353	Lê Bảo Trung	10/06/89	CK0883A2		3.05	139	Khá	Quản lý công nghiệp	
14	1081359	Nguyễn Bùi Thanh Tuyền	03/12/89	CK0883A2	N	2.89	139	Khá	Quản lý công nghiệp	
Ngành học: Cơ khí chế tạo máy (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1070482	Nguyễn Phước An	12/10/89	CK0784A1		2.47	137	Trung bình	Cơ khí chế tạo máy	
2	1070487	Trương Quốc Cường	00/00/89	CK0784A1		2.37	137	Trung bình	Cơ khí chế tạo máy	
3	1070488	Huỳnh Trần Anh Duy	/ /88	CK0784A1		2.55	139	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
4	1070493	Nguyễn Tứ Đức	06/04/89	CK0784A1		2.47	138	Trung bình	Cơ khí chế tạo máy	
5	1070499	Lương Văn Huy	12/03/88	CK0784A1		2.19	140	Trung bình	Cơ khí chế tạo máy	
6	1070516	Nguyễn Trọng Nghĩa	21/02/88	CK0784A1		2.56	139	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
7	1070524	Nguyễn Văn Nhựt	17/01/86	CK0784A1		2.68	140	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
8	1070555	Nguyễn Duy Tiến	15/01/89	CK0784A2		2.93	142	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
9	1070559	Nguyễn Việt Trường	20/11/87	CK0784A2		2.65	137	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
10	1070560	Bùi Ngọc Tuấn	13/09/85	CK0784A2		2.41	137	Trung bình	Cơ khí chế tạo máy	
11	1080408	Dương Hòa An	16/08/90	CK0884A1		2.93	138	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
12	1080412	Đặng Văn Chơn	29/05/90	CK0884A1		3.15	138	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
13	1080422	Trần Trọng Khích	/ /90	CK0884A1		2.88	136	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
14	1080427	Nguyễn Tiến Phương Linh	28/02/89	CK0884A1		2.80	136	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
15	1080429	Cao Thái Lực	04/12/90	CK0884A1		3.03	136	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
16	1080431	Đình Pha Ly	05/04/88	CK0884A1		2.46	136	Trung bình	Cơ khí chế tạo máy	
17	1080437	Nguyễn Hoài Phúc	28/06/90	CK0884A1		3.38	136	Giỏi	Cơ khí chế tạo máy	
18	1080442	Dương Hữu Tâm	15/10/90	CK0884A1		2.86	136	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
19	1080443	Nguyễn Văn Tấn	30/12/89	CK0884A1		2.90	136	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
20	1080453	Nguyễn Tuấn Vũ	10/04/90	CK0884A1		2.83	138	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
21	1080456	Nguyễn Hoàng Anh	16/03/90	CK0884A2		3.03	138	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
22	1080460	Ngô Tấn Đã	06/05/90	CK0884A2		3.36	136	Giỏi	Cơ khí chế tạo máy	
23	1080463	Dương Văn Hải	27/04/89	CK0884A2		2.65	140	Khá	Cơ khí chế tạo máy	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
24	1080473	Đình Nhật Linh	01/01/89	CK0884A2		2.79	140	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
25	1080479	Tô Hoàng Minh	21/10/90	CK0884A2		3.25	136	Giỏi	Cơ khí chế tạo máy	
26	1080482	Tiêu Thế Nguyên	16/05/88	CK0884A2		3.10	138	Khá	Cơ khí chế tạo máy	
Ngành học: Cơ khí chế biến (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1070572	Võ Ngọc Ân	10/09/88	CK0785A1		2.55	139	Khá	Cơ khí chế biến	
2	1070573	Phạm Văn Chấn	16/11/89	CK0785A1		2.54	139	Khá	Cơ khí chế biến	
3	1070576	Trần Vĩnh Đạt	05/02/88	CK0785A2		2.43	139	Trung bình	Cơ khí chế biến	
4	1070578	Trần Minh Huân	05/12/89	CK0785A2		2.68	142	Khá	Cơ khí chế biến	
5	1070580	Trần Văn Mai	12/09/87	CK0785A1		2.51	139	Khá	Cơ khí chế biến	
6	1070581	Huỳnh Minh Mẫn	13/07/88	CK0785A1		2.02	139	Trung bình	Cơ khí chế biến	
7	1076412	Huỳnh Thanh Hùng	29/04/87	CK0785A2		2.63	145	Khá	Cơ khí chế biến	
8	1076684	Phạm Vũ Bảo	30/03/87	CK0785A2		2.58	138	Khá	Cơ khí chế biến	
9	1076690	Đoàn Quốc Dũng	27/12/87	CK0785A1		2.37	141	Trung bình	Cơ khí chế biến	
10	1076691	Châu Quốc Đạt	12/09/88	CK0785A2		2.57	139	Khá	Cơ khí chế biến	
11	1076692	Phan Thanh Điền	26/07/86	CK0785A1		2.66	139	Khá	Cơ khí chế biến	
12	1076696	Lê Thành An Hội	01/08/88	CK0785A2		2.51	139	Khá	Cơ khí chế biến	
13	1076698	Lê Quan Huyền	10/06/88	CK0785A2		2.49	140	Trung bình	Cơ khí chế biến	
14	1076699	Cao Huyền Huỳnh	09/11/87	CK0785A1		2.23	139	Trung bình	Cơ khí chế biến	
15	1076704	Tôn Thất Anh Khoa	17/06/89	CK0785A1		2.54	139	Khá	Cơ khí chế biến	
16	1076712	Hồ Minh Luân	11/09/88	CK0785A1		2.60	142	Khá	Cơ khí chế biến	
17	1076715	Châu Ngọc Ngà	21/06/89	CK0785A2		2.68	139	Khá	Cơ khí chế biến	
18	1076739	Nguyễn Hoàng Thông	26/10/88	CK0785A2		2.33	140	Trung bình	Cơ khí chế biến	
19	1076757	Đào Lý Tường	24/05/88	CK0785A1		2.45	143	Trung bình	Cơ khí chế biến	
20	1080503	Lương Văn Điền	12/11/87	CK0885A1		2.84	139	Khá	Cơ khí chế biến	
21	1080519	Huỳnh Thanh Long	21/09/89	CK0885A2		3.02	137	Khá	Cơ khí chế biến	
22	1080520	Lê Minh Nhường	23/07/90	CK0885A2		3.00	139	Khá	Cơ khí chế biến	
23	1087080	Huỳnh Nhật Anh	01/06/90	CK0885A1		2.76	139	Khá	Cơ khí chế biến	
24	1087083	Nguyễn Minh Chánh	02/01/90	CK0885A1		2.91	136	Khá	Cơ khí chế biến	
25	1087084	Nguyễn Văn Diện	13/02/90	CK0885A1		2.96	136	Khá	Cơ khí chế biến	
26	1087086	Võ Thanh Duyên	/ /90	CK0885A1		2.75	136	Khá	Cơ khí chế biến	
27	1087089	Lê Hoàng Em	/ /87	CK0885A1		2.72	137	Khá	Cơ khí chế biến	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 9

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
28	1087091	Huỳnh Trọng Hậu	/ /90	CK0885A1		2.74	137	Khá	Cơ khí chế biến	
29	1087098	Lê Hoàng Ngân	01/05/84	CK0885A1		2.81	137	Khá	Cơ khí chế biến	
30	1087108	Nguyễn Thanh Tâm	30/08/88	CK0885A1		2.89	137	Khá	Cơ khí chế biến	
31	1087111	Lê Minh Thảo	14/10/86	CK0885A1		2.90	138	Khá	Cơ khí chế biến	
32	1087121	Phùng Đặng Bảo Anh	26/02/90	CK0885A2		3.06	138	Khá	Cơ khí chế biến	
33	1087122	Dương Quốc Bình	09/01/89	CK0885A2		2.77	139	Khá	Cơ khí chế biến	
34	1087130	Nguyễn Quốc Hiệu	20/09/90	CK0885A2		3.10	136	Khá	Cơ khí chế biến	
35	1087132	Nguyễn Tấn Khanh	09/08/90	CK0885A2		2.79	137	Khá	Cơ khí chế biến	
36	1087139	Hồ Thanh Nam	20/05/90	CK0885A2		2.58	137	Khá	Cơ khí chế biến	
37	1087142	Triệu Văn Phở	15/09/89	CK0885A2		3.12	138	Khá	Cơ khí chế biến	
38	1087144	Đỗ Thanh Sum	13/09/88	CK0885A2		2.88	139	Khá	Cơ khí chế biến	
39	1087149	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	05/02/90	CK0885A2	N	3.34	138	Giỏi	Cơ khí chế biến	
40	1087150	Huỳnh Nhựt Thành	03/10/89	CK0885A2		3.16	136	Khá	Cơ khí chế biến	
41	1087153	Lương Minh Thuận	30/08/89	CK0885A2		2.73	139	Khá	Cơ khí chế biến	
42	1087162	Lê Quang Vinh	04/08/89	CK0885A2		2.70	137	Khá	Cơ khí chế biến	
Ngành học: Xây dựng cầu đường (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1070836	Trần Thế Anh	27/11/89	TC0786A1		2.79	139	Khá	Xây dựng cầu đường	
2	1070838	Lâm Hải Âu	24/03/89	TC0786A1		2.72	138	Khá	Xây dựng cầu đường	
3	1070840	Lê Thành Chiến	13/04/89	TC0786A1		2.31	138	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
4	1070842	Cao Minh Chiếp	20/08/88	TC0786A1		2.52	139	Khá	Xây dựng cầu đường	
5	1070848	Huỳnh Minh Đại	10/10/88	TC0786A1		2.62	139	Khá	Xây dựng cầu đường	
6	1070854	Trần Công Định	09/04/88	TC0786A1		2.53	137	Khá	Xây dựng cầu đường	
7	1070855	Nguyễn Thanh Đoàn	20/10/88	TC0786A1		2.42	157	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
8	1070856	Lê Ngọc Đoàn	24/04/89	TC0786A1		2.65	137	Khá	Xây dựng cầu đường	
9	1070858	Nguyễn Hoàng Giang	25/07/87	TC0786A1		2.37	137	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
10	1070865	Trần Đình Hòa Hiệp	13/02/89	TC0786A1		2.62	140	Khá	Xây dựng cầu đường	
11	1070867	Tạ Huy Hoàng	16/08/88	TC0786A1		2.42	140	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
12	1070871	Trần Thanh Hùng	16/07/85	TC0786A1		2.49	144	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
13	1070872	Lâm Tấn Khải	29/05/88	TC0786A1		2.93	142	Khá	Xây dựng cầu đường	
14	1070891	Nguyễn Đoàn Nhật Minh	29/07/89	TC0786A2		3.00	138	Khá	Xây dựng cầu đường	
15	1070893	Nguyễn Hiếu Nghị	29/08/88	TC0786A2		2.66	155	Khá	Xây dựng cầu đường	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
16	1070895	Lê Hoàng Chí Nhẫn	03/11/89	TC0786A2		2.71	159	Khá	Xây dựng cầu đường	
17	1070907	Nguyễn Nhật Thanh	22/08/89	TC0786A2		2.76	155	Khá	Xây dựng cầu đường	
18	1070909	Nguyễn Trung Thành	21/02/89	TC0786A2		2.49	141	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
19	1070913	Phan Văn Thơi	14/03/86	TC0786A2		2.50	138	Khá	Xây dựng cầu đường	
20	1070916	Nguyễn Minh Tiến	29/03/89	TC0786A2		3.11	155	Khá	Xây dựng cầu đường	
21	1070918	Nguyễn Tuấn Trung	14/09/89	TC0786A2		3.13	138	Khá	Xây dựng cầu đường	
22	1070921	Huỳnh Văn Tuấn	14/02/89	TC0786A2		2.24	137	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
23	1070926	Phạm Văn Tý	20/11/88	TC0786A2		2.89	144	Khá	Xây dựng cầu đường	
24	1070928	Trần Văn Vĩnh	20/01/86	TC0786A2		2.49	141	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
25	1070931	Nguyễn Thị Tuyết Xương	02/04/88	TC0786A2	N	2.43	137	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
26	1076426	Phạm Phi Thoàng	19/09/88	TC0786A2		2.46	152	Trung bình	Xây dựng cầu đường	
27	1080710	Đỗ Hoàng Giang	08/07/90	TC0886A1		2.98	138	Khá	Xây dựng cầu đường	
28	1080720	Lê Thanh Nam	/ /90	TC0886A1		2.76	147	Khá	Xây dựng cầu đường	
29	1080730	Nguyễn Việt Tân	20/12/90	TC0886A1		2.71	142	Khá	Xây dựng cầu đường	
30	1080753	Lê Đỗ Trường Giang	20/09/90	TC0886A2		3.04	136	Khá	Xây dựng cầu đường	
31	1080774	Trần Ngọc Thái	/ /90	TC0886A2		3.45	136	Giỏi	Xây dựng cầu đường	
32	1080778	Nguyễn Tấn Tiệp	29/07/89	TC0886A2		3.03	136	Khá	Xây dựng cầu đường	
Ngành học: Cơ khí giao thông (Hệ Đại học - Chính quy)										
1	1070594	Huỳnh Văn Diệm	/ /86	TC0793A1		2.60	143	Khá	Cơ khí giao thông	
2	1070599	Hồ Khắc Mạnh Hùng	17/01/88	TC0793A1		2.57	140	Khá	Cơ khí giao thông	
3	1070621	Ngô Văn Trường	10/06/88	TC0793A1		2.61	142	Khá	Cơ khí giao thông	
4	1070622	Trần Quốc Vinh	30/07/89	TC0793A1		2.80	140	Khá	Cơ khí giao thông	
5	1076761	Nguyễn Văn An	/ /87	TC0793A1		2.67	141	Khá	Cơ khí giao thông	
6	1076773	Hà Việt Hải	10/10/87	TC0793A2		2.43	138	Trung bình	Cơ khí giao thông	
7	1076781	La Văn Kía	04/05/89	TC0793A2		2.67	139	Khá	Cơ khí giao thông	
8	1076799	Bùi Quốc Thanh	28/11/89	TC0793A2		2.38	142	Trung bình	Cơ khí giao thông	
9	1076814	Châu Ngọc Ý	28/09/85	TC0793A2		2.86	149	Khá	Cơ khí giao thông	
10	1080527	Phạm Trường Giang	/ /89	CK0893A1		2.97	136	Khá	Cơ khí giao thông	
11	1080528	Trần Thanh Hải	05/03/89	CK0893A1		2.78	138	Khá	Cơ khí giao thông	
12	1080529	Phạm Phú Khánh	/ /88	CK0893A1		3.38	137	Giỏi	Cơ khí giao thông	
13	1080532	Phạm Phi Phúc	15/05/90	CK0893A1		3.28	136	Giỏi	Cơ khí giao thông	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: TN1

Trang 11

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Ghi chú
14	1080534	Phạm Văn Thành	01/02/90	CK0893A1		3.04	136	Khá	Cơ khí giao thông	
15	1080537	Nguyễn Văn Chí Hải	07/01/90	CK0893A1		3.21	139	Giỏi	Cơ khí giao thông	
16	1080539	Khúc Văn Kiềm	09/10/88	CK0893A1		2.89	136	Khá	Cơ khí giao thông	
17	1080542	Phạm Xuân Sang	19/12/90	CK0893A1		3.09	137	Khá	Cơ khí giao thông	
18	1087168	Trương Văn Cường	25/03/90	CK0893A1		2.67	140	Khá	Cơ khí giao thông	
19	1087177	Nguyễn Tấn Hưng	24/08/90	CK0893A1		3.40	138	Giỏi	Cơ khí giao thông	
20	1087180	Lương Hồng Khanh	19/01/89	CK0893A1		2.75	140	Khá	Cơ khí giao thông	
21	1087184	Nguyễn Minh Luân	29/08/89	CK0893A1		2.76	136	Khá	Cơ khí giao thông	
22	1087188	Dương Thanh Vũ Phương	/ /89	CK0893A1		2.83	140	Khá	Cơ khí giao thông	
23	1087191	Hà Văn Tiến	12/05/87	CK0893A1		2.78	137	Khá	Cơ khí giao thông	
24	1087202	Nguyễn Thành Đông	15/10/90	CK0893A1		3.05	137	Khá	Cơ khí giao thông	
25	1087213	Nguyễn Đình Phương	20/11/89	CK0893A1		2.67	137	Khá	Cơ khí giao thông	
26	1087216	Trương Phú Thọ	28/09/90	CK0893A1		2.83	136	Khá	Cơ khí giao thông	

Tổng số danh sách: **307** sinh viên

Ngày 02 tháng 01 năm 2012

Trưởng Khoa Công nghệ

Trưởng phòng công tác sinh viên

Trưởng phòng đào tạo